

Mối quan hệ giữa tài chính toàn diện và bình đẳng giới: Xu hướng và tổng quan nghiên cứu trên thế giới

Lê Thị Hương Trà

Viện Nghiên cứu khoa học Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Ngày nhận: 26/09/2023

Ngày nhận bản sửa: 15/11/2023

Ngày duyệt đăng: 24/11/2023

Tóm tắt: Tài chính toàn diện và bình đẳng giới là hai vấn đề nhận được sự quan tâm của nhiều chuyên gia và học giả trong những năm gần đây. Mối quan hệ giữa hai nhân tố này cũng là chủ đề nghiên cứu tương đối mới và đang được nhiều nhà nghiên cứu khám phá. Bằng phương pháp thống kê số liệu và khảo lược tài liệu, bài viết cung cấp thêm bằng chứng khoa học về bức tranh toàn cảnh hiện trạng xu hướng nghiên cứu trên thế giới về mối quan hệ giữa tài chính toàn diện và bình đẳng giới. Số lượng các nghiên cứu về tài chính toàn diện và bình đẳng giới tuy còn hạn chế, nhưng có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Cùng với đó, các nghiên cứu trên thế giới về chủ đề trên cho thấy bình đẳng giới là một vấn đề cần được chú trọng trong phát triển tài chính toàn diện và tài chính toàn diện có tác động đáng kể đến việc nâng cao

The relationship between financial inclusion and gender equality: research trends and review of literature in the world

Abstracts: Financial inclusion and gender equality are two issues that have received a lot of attention from many experts and scholars in recent years. The relationship between these two factors is also a relatively new research topic and is being explored by many researchers. Using statistical data and document review methodology, the paper provides scientific evidence about the overall picture of the current state of research trends in the world on the relationship between financial inclusion and gender equality. In particular, the results show that the number of studies on financial inclusion and gender equality, although still limited, has tended to increase in recent years. Moreover, research around the world on this topic reflects that gender equality is an issue that needs attention in the development of financial inclusion and that financial inclusion has a significant impact on improving gender equality. However, these studies still have some limitations in approach and research scope, requiring further research directions to be proposed to develop this topic in the future.

Keywords: Research, Financial inclusion, Gender equality

Doi: 10.59276/TCKHDT.2024.1.2.2594

Le, Thi Huong Tra

Email: tralth@hvn.h.edu.vn

Banking Research Institute, Banking Academy of Vietnam

mức độ bình đẳng giới. Tuy nhiên, các nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế về cách tiếp cận và phạm vi nghiên cứu, đòi hỏi các hướng nghiên cứu tiếp theo cần phải được đề xuất để phát triển chủ đề này trong tương lai.

Từ khoá: Nghiên cứu, Tài chính toàn diện, Bình đẳng giới

1. Đặt vấn đề

Tài chính toàn diện (TCTD) hay tài chính bao trùm đã trở thành một chủ đề ngày càng được các nhà nghiên cứu quan tâm. Nó thể hiện mức độ mà các nhà tài chính hoặc không được tiếp cận một cách bình đẳng với các cơ hội do chính sách tài chính mang lại. Sự quan tâm càng gia tăng do sự hiệu quả và tầm quan trọng của TCTD đối với nền kinh tế và xã hội, thông qua việc đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng với các cơ hội do hệ thống tài chính cung cấp. Cho đến nay, các nghiên cứu về TCTD chủ yếu tập trung vào việc đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tài chính tổng thể, bao gồm mức độ phát triển kinh tế, chất lượng của môi trường thể chế, mức độ chia sẻ thông tin tín dụng, sự phát triển của cơ sở hạ tầng tài chính, chi phí thực thi hợp đồng, mức độ sở hữu của chính phủ và nước ngoài đối với các ngân hàng và mức độ bảo vệ quyền chủ nợ giữa các quốc gia. Đối với vấn đề bất bình đẳng giới tính trong khả năng tiếp cận tài chính, các nghiên cứu thực nghiệm về chủ đề này ngày càng phát triển nhưng vẫn còn hạn chế. Nhìn chung, mục tiêu của các nghiên cứu này hầu hết hướng tới việc xác định xem sự bất bình đẳng giới tính có tồn tại trong TCTD hay không. Bài viết này hướng đến mục đích cung cấp tổng quan các nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam về mối quan hệ giữa TCTD và bình đẳng giới để đưa ra đánh giá khái quát về tình hình nghiên cứu đối với chủ đề này. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định

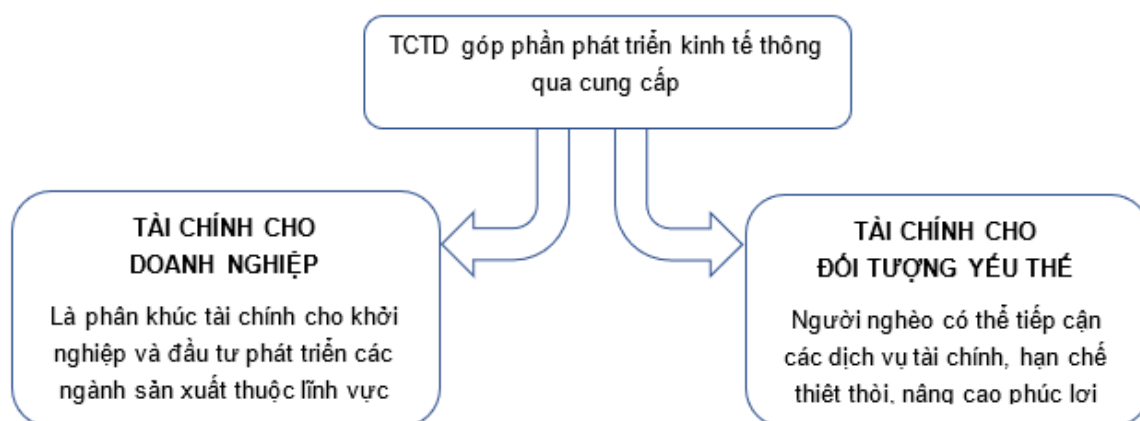
tính để thực hiện tổng quan nghiên cứu về chủ đề TCTD và bình đẳng giới, trong đó tác giả thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá các tài liệu liên quan để làm rõ cơ sở lý luận về TCTD, bình đẳng giới cũng như xu hướng nghiên cứu tương lai. Bài viết cũng đề xuất các hướng nghiên cứu tiếp theo về TCTD và bình đẳng giới. Ngoài ra, tác giả cũng cung cấp thêm bằng chứng khoa học về bức tranh toàn cảnh hiện trạng xu hướng nghiên cứu trên thế giới về mối quan hệ giữa tài chính toàn diện và bình đẳng giới. Số lượng các nghiên cứu về tài chính toàn diện và bình đẳng giới tuy còn hạn chế, nhưng có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Cùng với đó, các nghiên cứu trên thế giới về chủ đề trên đã trở thành nền tảng cho các nghiên cứu về chủ đề này ở Việt Nam. Các nghiên cứu về chủ đề này có tác động đáng kể đến việc nâng cao

Từ việc tổng quan nghiên cứu, bài viết đánh giá các hạn chế, khoảng trống nghiên cứu và đề xuất các hướng nghiên cứu trong tương lai để phát triển, mở rộng thêm các công trình cùng chủ đề.

2. Khái niệm, vai trò của tài chính toàn diện và bình đẳng giới

2.1. Tài chính toàn diện

Cho đến nay, có rất nhiều khái niệm khác nhau về TCTD. Theo Liên Hợp Quốc, TCTD được hiểu là: (i) Tiếp cận các dịch vụ tài chính thông qua nhiều kênh khác nhau và các dịch vụ này được cung cấp bởi các định chế chính thức với mức chi phí hợp lý; (ii) Tăng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho các cá nhân và các doanh nghiệp vừa và nhỏ; (iii) Tại các nước đang phát triển, TCTD giúp phát triển hệ thống tài chính và huy động nguồn lực nội địa; góp phần quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế- xã hội. Bên cạnh đó, tổ chức tác hành động tài chính (FATF) cho rằng:



Nguồn: Phạm Thị Hồng Vân và cộng sự (2017)

Hình 1. Vai trò của tài chính toàn diện với phát triển kinh tế

“TCTD là cung cấp các dịch vụ tài chính an toàn, tiện lợi với mức giá thấp cho các đối tượng dễ bị tổn thương, bao gồm những người có thu nhập thấp, ở khu vực nông thôn, những người bị loại trừ khỏi khu vực tài chính chính thức. Mặt khác, TCTD mở rộng việc cung cấp các dịch vụ tài chính ngoài các sản phẩm cơ bản cho mỗi cá nhân” (FATF, 2011).

Theo World Bank (2017) “TCTD là việc các cá nhân, doanh nghiệp có thể tiếp cận với các dịch vụ tài chính với giá cả phải chăng, bao gồm: chuyển tiền, thanh toán, tiết kiệm, tín dụng và bảo hiểm- được cung cấp một cách có trách nhiệm và bền vững”.

Như vậy, nhìn chung, TCTD là cách thức cung cấp dịch vụ tài chính tới những đối tượng yếu thế, không có đủ khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính, TCTD bao hàm ba yếu tố cốt lõi, đó là tiếp cận, sử dụng và chất lượng dịch vụ tài chính. TCTD không chỉ là việc cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng, mà bao gồm cả nâng cao hiểu biết về tài chính cho người dân và bảo vệ người tiêu dùng.

Vai trò của TCTD đối với phát triển kinh tế- xã hội đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu. Theo Beck và Honohan (2008), TCTD sẽ có hai tác động đến quá trình phát triển kinh tế: (i) TCTD là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng khả năng tiết kiệm,

giúp khởi nghiệp đầu tư, sản xuất, từ đó giảm đói nghèo và bất bình đẳng; (ii) TCTD cung cấp các dịch vụ tài chính phù hợp, giá cả phải chăng cho người nghèo, cải thiện phúc lợi cho tầng lớp khó khăn (Hình 1).

2.2. Bình đẳng giới

Bình đẳng giới là một khái niệm phức tạp, đa chiều, đặt ra những thách thức lớn đối với việc định nghĩa thuật ngữ này. Cho đến nay, nhiều tổ chức và các nhà nghiên cứu đã đưa ra những khái niệm bình đẳng giới khác nhau. Theo từ điển Cambridge, bình đẳng giới (gender equality) là hành động đối xử bình đẳng đối với phụ nữ và nam giới. Bình đẳng giới không có nghĩa là phụ nữ và nam giới là giống nhau, mà là họ có giá trị như nhau và cần được đối xử một cách bình đẳng. Tương tự, World Bank (2001) cho rằng bình đẳng giới không phải là bình đẳng về mặt kết quả giữa nam và nữ, mà là bình đẳng về các yếu tố quyết định những kết quả này- tức là bình đẳng về cơ hội hoặc nguồn lực, quyền và tiếng nói. Theo Mari (2000), xã hội bình đẳng giới là một xã hội trong đó nam giới và phụ nữ như nhau đều được đảm bảo cơ hội, với tư cách là các thành viên bình đẳng, tham gia vào các hoạt động trong bất kỳ lĩnh vực nào của

xã hội theo ý muốn của họ, nhờ đó đạt được lợi ích bình đẳng về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, cũng như một xã hội mà cả nam và nữ đều chia sẻ trách nhiệm.

Tại Việt Nam, các tài liệu cũng đã đưa ra những định nghĩa khác nhau về bình đẳng giới. Theo Luật Bình đẳng giới của Quốc Hội khóa XI, kỳ họp thứ 10, số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006, bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. Theo Hoàng Thị Hương (2020), bình đẳng giới là bình đẳng về luật pháp, bình đẳng về cơ hội được học hành, về chăm sóc sức khỏe y tế và trong vấn đề việc làm và được hưởng thụ thành quả lao động.

Tóm lại, dù đã được định nghĩa trong rất nhiều tài liệu trước đây, bình đẳng giới có thể được hiểu một cách khái quát như sau: Bình đẳng giới là tình trạng nam giới và nữ giới nhận được sự đối xử bình đẳng trong tất cả các khía cạnh, lĩnh vực của đời sống

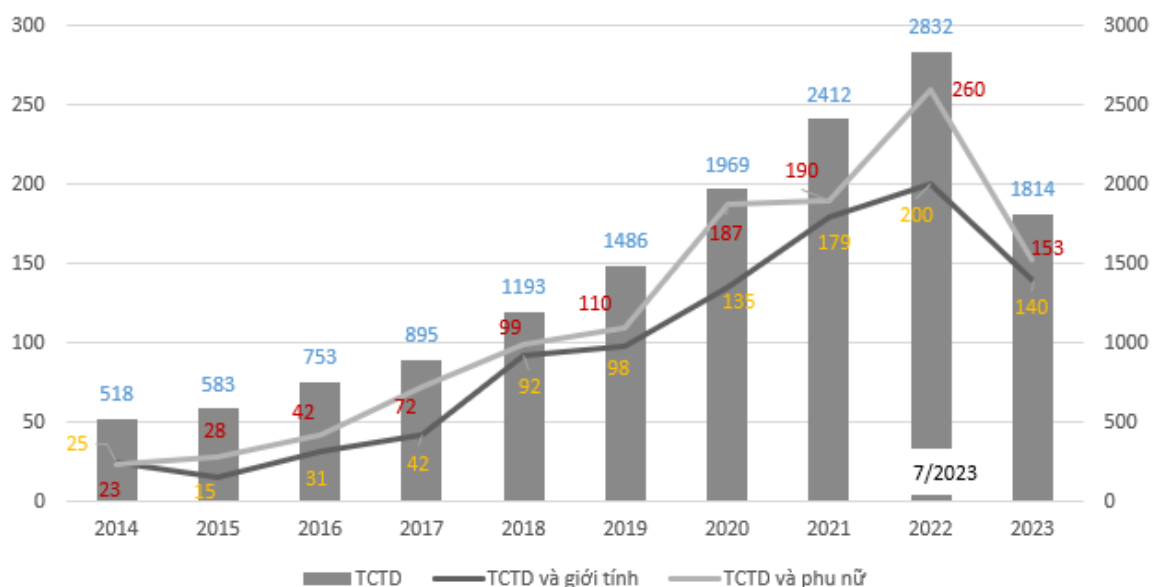
xã hội như: chính trị, kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, hôn nhân, gia đình, việc làm...; cũng như được tiếp cận với các điều kiện, quyền lợi, cơ hội và chia sẻ các trách nhiệm trong xã hội một cách công bằng.

3. Tổng quan nghiên cứu về mối quan hệ giữa tài chính toàn diện và bình đẳng giới

3.1. Số lượng các nghiên cứu về tài chính toàn diện và bình đẳng giới

Từ nguồn cơ sở dữ liệu Dimensions- cơ sở dữ liệu tổng hợp về các nghiên cứu trên thế giới trong nhiều lĩnh vực khác nhau dưới dạng các bản tóm tắt, trích dẫn, các khoản tài trợ nghiên cứu, các ấn phẩm, thử nghiệm lâm sàng và bằng sáng chế..., tác giả tổng hợp số lượng các nghiên cứu liên quan đến TCTD, TCTD và giới tính, TCTD và phụ nữ trong giai đoạn 10 năm gần đây (từ 2014 đến tháng 07/2023). Số liệu chi tiết được thể hiện trong Hình 2.

Cho đến nay, số lượng các nghiên cứu về chủ đề TCTD và bình đẳng giới còn hạn



Nguồn: dimensions.ai

Hình 2. Số lượng các nghiên cứu về tài chính toàn diện, tài chính toàn diện và giới tính, tài chính toàn diện và phụ nữ

chế. Trong các nghiên cứu về TCTD, các công trình liên quan đến TCTD và giới tính, cũng như TCTD và phụ nữ chỉ chiếm trung bình khoảng 10% mỗi năm. Mặc dù số lượng còn ít, nhưng có thể thấy rằng các nghiên cứu về hai chủ đề này có sự gia tăng qua từng năm. Trong đó, nghiên cứu về TCTD và giới tính đã tăng từ 25 công trình vào năm 2014 lên 200 công trình vào năm 2022; nghiên cứu về TCTD và phụ nữ đã tăng lên 260 công trình vào năm 2022, gấp hơn 10 lần so với năm 2014. Tính đến tháng 7/2023, số lượng các nghiên cứu về hai chủ đề trên là khoảng 140- 150 công trình, cho thấy đến cuối năm 2023, các nghiên cứu này có triển vọng tiếp tục gia tăng so với các năm trước.

3.2. Xu hướng nghiên cứu về tài chính toàn diện và bình đẳng giới

Nhìn chung, các nghiên cứu trên thế giới cho thấy mối quan hệ giữa TCTD và bình đẳng giới được thể hiện trên hai khía cạnh. *Thứ nhất*, bình đẳng giới là một vấn đề cần được chú trọng trong phát triển TCTD. *Thứ hai*, TCTD có tác động đáng kể đến việc thu hẹp khoảng cách về giới, nâng cao mức độ bình đẳng giới.

3.2.1. Vấn đề bình đẳng giới trong phát triển tài chính toàn diện

Giới đóng một vai trò quan trọng trong việc tiếp cận tài chính chính thức. Tiếp cận bình đẳng đối với các dịch vụ tài chính là đặc biệt quan trọng khi khía cạnh giới được quan tâm. Nghiên cứu của Demirgüç-Kunt và cộng sự (2013) phân tích sự khác biệt về giới trong việc sử dụng các dịch vụ tài chính từ nguồn cơ sở dữ liệu Global Findex của World Bank, cung cấp các chỉ số đo lường cách người dân ở 148 nền kinh tế trên thế giới tiết kiệm, vay mượn, thanh toán và quản lý rủi ro. Các chỉ số mới này

được xây dựng dựa trên dữ liệu khảo sát từ các cuộc phỏng vấn với hơn 150.000 người lớn đại diện trên toàn quốc và được chọn ngẫu nhiên. Các tác giả chỉ ra rằng, ở các nước đang phát triển, phụ nữ thường bị loại trừ khỏi việc sử dụng các dịch vụ tài chính và hậu quả của việc loại trừ tài chính của họ có liên quan đến bất bình đẳng về thu nhập, giáo dục và tình trạng việc làm. Những rào cản đối với TCTD của phụ nữ là đa chiều và thường có mối liên hệ với nhau, từ các rào cản pháp lý đến các chuẩn mực xã hội bị hạn chế, hay do các yếu tố văn hóa, kinh tế, xã hội khác nhau, như: trình độ học vấn và thu nhập không đủ, hiểu biết tài chính hạn chế, tình trạng hôn nhân...

Nhiều nghiên cứu đã hướng tới việc xác định xem bình đẳng giới trong TCTD có tồn tại hay không bằng cách xem xét khoảng cách hoặc sự bất bình đẳng giới trong các sản phẩm, dịch vụ, công việc tài chính. Kết quả của các nghiên cứu chủ yếu cho thấy sự phân biệt giới tính có tác động đến khả năng tiếp cận TCTD của các cá nhân và doanh nghiệp. Cụ thể, các đối tượng là nữ giới được chứng minh là gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tiếp cận TCTD so với nam giới (Presbitero và cộng sự, 2014; Henderson và cộng sự, 2015). Trong hầu hết các trường hợp, nguyên nhân là do sự khác biệt về việc làm, tuổi tác, thu nhập, trình độ học vấn, đặc biệt là trình độ đại học giữa hai giới tính khi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính hoặc trong các công việc ngành tài chính (Ozsucu, 2019). Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cũng cho thấy, sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong TCTD có thể xảy ra một cách ngẫu nhiên, không có căn cứ, mà lý do có thể chỉ là tư tưởng và văn hoá. Ví dụ, theo Henderson và cộng sự (2015), tại Mỹ, nam giới được đối xử tốt hơn khi tiếp cận các hạn mức tín dụng so với phụ nữ; phụ nữ và những khách hàng thiếu số nhận được sự đối xử

kém hơn từ các bên cho vay dù mức độ tín nhiệm của họ cao hay thấp. Đồng tình với quan điểm này, Beck và cộng sự (2011), khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa giới tính và tín dụng ở Châu Âu, đã cho thấy khả năng bảo lãnh một khoản vay cho những đối tượng vay là nữ trở nên thấp hơn khi nhân viên cho vay là nam giới, những đối tượng vay là nữ được tư vấn bởi các nhân viên khác giới thường phải vay với các điều khoản bất lợi như lãi suất cao hơn và kỳ hạn vay ngắn hơn. Không chỉ nhắm đến các đối tượng cá nhân là nữ, các doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo cũng bị hạn chế về mặt tài chính nhiều hơn các doanh nghiệp do nam giới lãnh đạo (Presbitero và cộng sự, 2014). Đặc biệt, các doanh nhân nữ thường bị từ chối khỏi những thị trường tài chính chính thức bởi các yêu cầu cứng nhắc của loại thị trường này đối với đối tượng có thể tiếp cận TCTD mà các doanh nhân nữ thường khó có thể đáp ứng, chẳng hạn như tài sản thế chấp hoặc bằng chứng cư trú (Carter và Shaw, 2006; Coleman và Robb, 2009). Wellalage và Thrikawala (2021) cho thấy bằng chứng về sự phân biệt đối xử về giới đối với các công ty do phụ nữ làm chủ và do phụ nữ lãnh đạo trên thị trường tín dụng, và những công ty như vậy gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tiếp cận tín dụng.

Ngoài ra, giới tính cũng được coi là một trong những nhân tố có tác động quan trọng đến TCTD, tuy nhiên tác động này có thể khác nhau. Nghiên cứu của Ngo (2019) xem xét các yếu tố có tác động đến mức độ TCTD của 36 quốc gia châu Á trong giai đoạn 2008- 2016, sử dụng bộ dữ liệu do World Bank cung cấp về thu nhập, tỷ lệ giới tính, dân số nông thôn, tỷ lệ thất nghiệp và cơ sở hạ tầng. Kết quả nghiên cứu của Ngo (2019) cho thấy tỉ lệ nữ giới của một quốc gia có tác động ngược chiều đến TCTD, như vậy một nước có dân số nữ càng nhiều

thì khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính càng hạn chế. Ngược lại, Tambunlertchai (2018) thực hiện khảo sát các đối tượng tại Myanmar để tìm ra các nhân tố và thách thức ảnh hưởng tới TCTD trong khu vực phi chính thức. Tác giả chứng minh rằng tỉ lệ nữ giới có tác động tích cực tới việc tiếp cận các dịch vụ tài chính chính thức, do các đối tượng là nữ có xu hướng gửi tiết kiệm chính thức nhiều hơn các đối tượng là nam. Tương tự, Llanto và Rosellon (2017), thông qua dữ liệu thu thập từ khảo sát trên phạm vi quốc gia về TCTD, xác định các đặc điểm kinh tế xã hội cá nhân có liên quan đến việc tiếp cận các dịch vụ tài chính tại Philippines, và cho rằng giới tính có ảnh hưởng tích cực tới khả năng tiếp cận các dịch vụ này, khi phụ nữ có xu hướng gửi tiết kiệm và đi vay nhiều hơn nam giới. Perrin và Weill (2022) xem xét liệu bình đẳng giới cao hơn trong việc tiếp cận tín dụng chính thức có cải thiện sự ổn định tài chính hay không. Họ tìm thấy bằng chứng cho thấy bình đẳng giới trong việc tiếp cận tín dụng chính thức giúp tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng cho phụ nữ và có lợi cho sự ổn định tài chính. Nghiên cứu của Ozili (2023) xem xét tác động của bình đẳng giới đến ổn định tài chính và TCTD ở 14 quốc gia đang phát triển từ năm 2005 đến năm 2021. Kết quả cho thấy bình đẳng giới có tác động tích cực đáng kể đến ổn định tài chính và TCTD ở các nước đang phát triển. Trong đó, bình đẳng giới có tác động tích cực đến ổn định tài chính và TCTD ở các nước châu Phi, có tác động tích cực đến ổn định tài chính nhưng không có tác động tích cực đến TCTD ở các nước ngoài châu Phi.

3.2.2. Tác động của tài chính toàn diện đối với bình đẳng giới

Ngoài tác động và vai trò của giới tính trong TCTD, TCTD cũng được chứng minh là

có ảnh hưởng tích cực đến việc cải thiện tình trạng bình đẳng giới tại các quốc gia. Nguyên nhân là bởi TCTD đảm bảo khả năng tiếp cận, tính sẵn sàng và khả năng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chính thức cho tất cả các thành phần của nền kinh tế, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, địa vị, giới tính (World Bank, 2017). Như vậy, TCTD cung cấp dịch vụ tài chính phù hợp và thuận tiện cho tất cả các thành phần trong xã hội, đặc biệt đối với người có thu nhập thấp và dễ bị tổn thương, ví dụ như phụ nữ, nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận tài chính, góp phần luân chuyển dòng vốn đầu tư và tiết kiệm trong xã hội, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định tài chính (Lê Thị Diệu Huyền, 2021).

Sử dụng phương pháp ước lượng mômen tổng quát (GMM) trên dữ liệu bảng ở một số quốc gia ở châu Phi cận Sahara, nghiên cứu của Ohiomu và Ogbeide-Osaretin (2019) điều tra tác động của TCTD đến bất bình đẳng giới ở các quốc gia kể trên. Theo kết quả nghiên cứu, tác động của việc tiếp cận tài chính chung đối với giảm bất bình đẳng giới là rất đáng kể. Ngoài ra, tiếp cận tài chính có xu hướng giảm bất bình đẳng giới nhiều hơn việc sử dụng các dịch vụ tài chính (Clamara và cộng sự, 2014; Mutsonziwa và cộng sự, 2016). Do đó, Ohiomu và Ogbeide-Osaretin (2019) cho rằng sự gia tăng các chi nhánh ngân hàng thương mại là cần thiết, giúp làm tăng số lượng và khuyến khích phụ nữ tiếp cận các dịch vụ tài chính. Điều này cũng sẽ giúp nâng cao năng lực tài chính của họ, do đó giảm khoảng cách về giới. Nghiên cứu cũng đề xuất việc tăng chi tiêu Chính phủ nhằm chuyển sang hướng phát triển tài chính và nâng cao trình độ giáo dục cho phụ nữ để cải thiện hiểu biết về tài chính.

Tương tự, Zawaira và cộng sự (2021) cũng nghiên cứu về ảnh hưởng của TCTD đến bất bình đẳng giới tại 34 quốc gia châu Phi

cận Sahara thông qua bộ số liệu Global Findex của World Bank. Kết quả cũng cho thấy sự phát triển tài chính có đóng góp đáng kể trong việc giảm thiểu sự bất bình đẳng giới. Cụ thể, nghiên cứu chỉ ra rằng tiếp cận tài chính với các tổ chức chính thức góp phần làm giảm bất bình đẳng giới so với việc vay từ các nguồn không chính thức. Vay từ các nguồn không chính thức có thể khiến phụ nữ đối mặt với những đối tượng cho vay nặng lãi, chẳng hạn như các điều khoản thanh toán không hợp lý (World Bank, 2017). Ngoài ra, bằng chứng cũng cho thấy rằng khoảng cách giới thu hẹp hơn trong TCTD có thể dẫn đến sự phát triển cao hơn, cũng như các kết quả công bằng hơn, chẳng hạn như phân phối thu nhập bình đẳng hơn giữa nam giới và nữ giới (Cuberes và Teignier, 2015; Gonzales và cộng sự, 2015).

Tập trung vào đối tượng phụ nữ yếu thế, Kumar (2023) xem xét sự tương tác giữa bình đẳng giới và TCTD giữa những phụ nữ bán hàng rong ở thành phố Ranchi của Ấn Độ. Nghiên cứu điều tra quan điểm và trải nghiệm của những phụ nữ này liên quan đến các dịch vụ tài chính và động lực giới bằng cách sử dụng phương pháp khảo sát và phân tích dữ liệu. Theo dữ liệu mô tả, những người tham gia nhận thức được các dịch vụ tài chính chính thức và việc tiếp cận các tài khoản tiết kiệm sẽ cải thiện khả năng tiết kiệm và quản lý tài chính của họ. Nghiên cứu nhấn mạnh nhiều khía cạnh của việc tiếp cận tài chính và nhấn mạnh cách nó có thể giúp phụ nữ trở nên độc lập hơn về mặt kinh tế và xã hội. Nhưng vẫn đề về hiểu biết về tài chính vẫn tồn tại, gây khó khăn cho việc sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức một cách hiệu quả.

Khi TCTD phát triển, phụ nữ có nhiều cơ hội tham gia tích cực vào hệ thống tài chính, họ có thể quản lý rủi ro tốt hơn, chi tiêu hợp lý hơn khi đối mặt với các cú sốc

hoặc tài trợ cho các khoản chi tiêu của gia đình (Dupas và Robinson, 2013). Cung cấp cho phụ nữ có thu nhập thấp các công cụ tài chính phù hợp để gửi tiết kiệm, vay tiền, thanh toán, và quản lý rủi ro là rất quan trọng để trao quyền cho những phụ nữ nghèo (Holloway và cộng sự, 2017). Ngoài ra, thúc đẩy phát triển tài chính có thể giúp phụ nữ tiếp cận các tài khoản tiết kiệm cá nhân an toàn, từ đó họ, bao gồm cả những người có ít quyền ra quyết định trong gia đình, có thể tăng cường kiểm soát các nguồn tài chính cá nhân (Karlan và cộng sự 2016). Theo nghiên cứu của Ashraf và cộng sự (2006), tại Philippines, việc mở tài khoản cam kết dựa trên mục tiêu đã làm tăng tiết kiệm lên 81% và dẫn đến khả năng thương lượng lớn hơn cho phụ nữ trong gia đình, tăng chi tiêu cho các mặt hàng du lịch dành cho người tiêu dùng là nữ.

Ngoài ra, một số nghiên cứu cho thấy tiếp cận tài chính có thể giúp tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động, điều này có thể dẫn đến bình đẳng giới cao hơn và kết quả kinh tế tốt hơn cho gia đình và cộng đồng. Nghiên cứu của Ajide (2021) về mối quan hệ giữa TCTD và sự tham gia lực lượng lao động của phụ nữ ở 12 quốc gia Châu Phi trong giai đoạn 2005- 2016. Từ Cơ sở dữ liệu Phát triển của World Bank và Thống kê Tài chính Quốc tế của IMF, kết quả của tác giả cho thấy việc nâng cao mức độ tiếp cận tài chính đến một ngưỡng nhất định sẽ cải thiện sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động kinh tế ở Châu Phi. Elouardighi và Oubejja (2023) phân tích mối quan hệ giữa tiếp cận tài chính số và sự tham gia lực lượng lao động của phụ nữ, cũng như làm sáng tỏ các rào cản đối với việc tiếp cận tài chính số của phụ nữ dựa trên cơ sở dữ liệu kinh tế vi mô bao gồm 15.192 phụ nữ châu Phi được trích xuất từ cơ sở dữ liệu Global Findex năm 2021. Bằng phương pháp ước lượng

mô hình Probit, phát hiện của nghiên cứu cho thấy rằng TCTD thông qua kênh kỹ thuật số có mối liên hệ tích cực với sự tham gia lực lượng lao động của phụ nữ nhiều hơn kênh truyền thống.

Tuy nhiên, tác động của tăng cường TCTD đến việc làm giảm bất bình đẳng giới vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng. Theo Báo cáo về Dữ liệu Findex toàn cầu năm 2021 của World Bank, mặc dù quyền sở hữu tài khoản ngân hàng nói chung đã tăng lên, nhưng khoảng cách giới không thu hẹp và không thay đổi đáng kể trong những năm gần đây. Cũng theo báo cáo này, dù những tiến bộ về TCTD đã xuất hiện, nữ giới vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc mở các tài khoản ngân hàng hơn nam giới. Theo Hendriks (2019), ở một số nền kinh tế đang phát triển, phụ nữ vẫn đạt được nhiều lợi ích về tiếp cận tài chính, bằng chứng là số lượng phụ nữ sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đã tăng lên đáng kể; tuy nhiên, chênh lệch giới tính trung bình là 9 điểm phần trăm (67% nam giới và 59% nữ giới), và hầu như không thay đổi kể từ năm 2011. Ngoài ra, mặc dù các kết quả nghiên cứu cho thấy ngân hàng di động và các dịch vụ tài chính kỹ thuật số khác có tiềm năng tăng tỷ lệ phụ nữ tiếp cận các kênh tài chính chính thức, tuy nhiên, một số nghiên cứu gần đây cũng chỉ ra các thách thức, bao gồm trình độ hiểu biết về tài chính của phụ nữ còn thấp (Le và cộng sự, 2019) và nhu cầu về các sản phẩm tài chính tùy chỉnh có thể đáp ứng nhu cầu đặc biệt của người lao động ở các nước khu vực phi chính thức, chẳng hạn như những người bán hàng rong (Cicchello và cộng sự, 2021; Khan và Rajeev, 2022; Pushp và cộng sự, 2023).

3.2.3. Hạn chế của các nghiên cứu trước

Nhìn chung, các nghiên cứu liên quan đến TCTD và bình đẳng giới từ trước đến nay đã cho thấy được một cách khái quát những

vấn đề về giới trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính. Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế - là những khoảng trống cần được khắc phục và tiếp tục phát triển, phân tích trong tương lai. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, các nghiên cứu về khoảng cách giới trong TCTD chủ yếu chỉ nêu lên thực trạng khác biệt giới tính trong TCTD cũng như ảnh hưởng của giới tính đối với TCTD. Các nghiên cứu chưa khám phá được một cách toàn diện về các nhân tố tác động đến khoảng cách giới tính trong TCTD cũng như các yếu tố nhằm tăng cường bình đẳng giới trong TCTD.

Thứ hai, các nghiên cứu về TCTD và giới tính chủ yếu tiếp cận ở khía cạnh TCTD tổng thể, rất ít nghiên cứu phân tích và đánh giá về bình đẳng giới trong các lĩnh vực TCTD khác nhau như sử dụng và tiếp cận dịch vụ tài chính, hiểu biết tài chính, bảo vệ người tiêu dùng tài chính. Đây là một hạn chế lớn cần được khắc phục trong các nghiên cứu tiếp theo bởi TCTD là vấn đề cần được tiếp cận một cách bao quát về cả phía người sử dụng và phía nhà cung cấp dịch vụ tài chính.

Thứ ba, các nghiên cứu về ảnh hưởng của TCTD đến bình đẳng giới cho đến nay còn rất hạn chế. Các tác giả chủ yếu nghiên cứu theo hướng ngược lại, đó là về tác động của giới tính đến TCTD. Tuy nhiên, ảnh hưởng của TCTD đến bình đẳng giới là một chủ đề cần được nghiên cứu sâu hơn bởi việc này sẽ cung cấp thêm bằng chứng quan trọng cho thấy tăng cường TCTD có tác dụng góp phần giảm khoảng cách giới tính, đảm bảo công bằng xã hội bằng cách hỗ trợ phụ nữ tiếp cận, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính.

Thứ tư, các nghiên cứu về TCTD và vấn đề giới đã được thực hiện trên cả phạm vi trong một quốc gia và nhiều quốc gia, tuy nhiên, theo tổng quan của tác giả cho thấy

đến nay, chưa có nghiên cứu nào đánh giá một dự án và chương trình TCTD cụ thể hỗ trợ phụ nữ, nhất là đối tượng phụ nữ yếu thế, tại một quốc gia hoặc của một tổ chức, doanh nghiệp. Đây là hướng nghiên cứu sâu hơn về một quốc gia, tổ chức hoặc doanh nghiệp điển hình mà các nghiên cứu có thể hướng đến trong tương lai, để có thể xây dựng định hướng, giải pháp cụ thể cho các dự án, chương trình kể trên nhằm tăng cường hiệu quả chính sách tiếp cận tài chính cho phụ nữ.

4. Kết luận và đề xuất hướng nghiên cứu

Nhìn chung, tổng quan các nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giữa TCTD và bình đẳng giới có thể coi là một mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Tăng cường bình đẳng giới trong TCTD có thể góp phần thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực tài chính- ngân hàng nói chung bằng các cơ hội tiếp cận tài chính công bằng cho cả hai giới. Ngược lại, phát triển TCTD cung cấp các dịch vụ tài chính phù hợp, giá cả phải chăng cho người nghèo, cải thiện phúc lợi cho tầng lớp khó khăn, giảm đói nghèo và bất bình đẳng về thu nhập, giới tính, từ đó tạo động lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, do sự hạn chế trong các nghiên cứu trước đây, mối quan hệ tác động của TCTD đến bình đẳng giới vẫn cần được khám phá sâu hơn và cần được làm rõ trên phạm vi toàn cầu nói chung, và trên từng quốc gia, khu vực của thế giới nói riêng.

Tác giả đề xuất một số hướng nghiên cứu trong tương lai về chủ đề TCTD và bình đẳng giới như sau: (i) nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng từ phía cung (mạng lưới tài chính, sự phù hợp sản phẩm dịch vụ tài chính, đặc điểm, chính sách phát triển của các tổ chức tài chính...) và phía cầu (giới tính, độ tuổi, tình trạng hôn nhân, trình độ giáo dục, thu nhập, nơi sinh sống, tôn giáo,

mức độ tổn thương của hộ gia đình...) đối với sự khác biệt về giới trong tiếp cận tài chính; (ii) nghiên cứu tác động của tài chính số đến việc giảm khoảng cách giới trong TCTD; (iii) đánh giá các dự án và chương trình TCTD khác nhau hướng

đến phụ nữ ở cấp độ quốc gia hoặc doanh nghiệp; (iv) nghiên cứu về bình đẳng giới trong các khía cạnh khác nhau của TCTD (sử dụng, tiếp cận dịch vụ tài chính; hiểu biết tài chính; bảo vệ người tiêu dùng tài chính). ■

Tài liệu tham khảo

- Ajide, F. (2021). *Financial Inclusion and Labour Market Participation of Women in Selected Countries in Africa. Economics and Culture*, 18, 15–31. <https://doi.org/10.2478/jec-2021-0002>
- Ashraf, N., Karlan, D., & Yin, W. (2006). Tying Odysseus to the mast: Evidence from a commitment savings product in the Philippines. *The Quarterly Journal of Economics*, 121(2), 635–672. <https://doi.org/10.1162/qjec.2006.121.2.635>
- Beck, T., & Honohan, P. (2008). *Finance for All?: Policies and Pitfalls in Expanding Access* (World Bank Policy Research Report). World Bank Group.
- Beck, T., Demirgüç-Kunt, A., & Peria, M. S. M. (2011). Bank financing for SMEs: Evidence across countries and bank ownership types. *Journal of Financial Services Research*, 39, 35–54. <https://doi.org/10.1007/s10693-010-0085-4>
- Carter, S. L., & Shaw, E. (2006). *Women's business ownership: Recent research and policy developments*.
- Cicchello, A. F., Amirreza K., Stefano M., and Alicia G. (2021). *Financial Inclusion and Development in the Least Developed Countries in Asia and Africa. Journal of Innovation and Entrepreneurship*, 10(1). doi: 10.1186/s13731-021-00190-4.
- Clamara, N., Pena, X., & Tuesta, D. (2014). *Factors that Matter for financial inclusion. BBVA Pp1-26*.
- Coleman, S., & Robb, A. (2009). A comparison of new firm financing by gender: evidence from the Kauffman Firm Survey data. *Small Business Economics*, 33, 397–411. <https://doi.org/10.1007/s11187-009-9205-7>
- Cuberes, D. and Teignier, M. (2015). *Gender gaps in the labor market and aggregate productivity. Working Paper, Department of Economics, University of Sheffield ISSN 1749-8368*.
- Demirgüç-Kunt, A., Klapper, L. F., & Singer, D. (2013). *Financial inclusion and legal discrimination against women: evidence from developing countries. World Bank Policy Research Working Paper*, (6416).
- Dupas, P., & Robinson, J. (2013). *Savings constraints and microenterprise development: Evidence from a field experiment in Kenya. American Economic Journal: Applied Economics*, 5(1), 163–192.
- Elouardighi, I., & Oubejjia, K. (2023). *Can Digital Financial Inclusion Promote Women's Labor Force Participation? Microlevel Evidence from Africa. International Journal of Financial Studies*, 11(3), 87. <https://doi.org/10.3390/ijfs11030087>
- FATF (2011). *Anti-Money Laundering and Terrorist Financing Measures and Financial Inclusion. FATF guidance*.
- Gonzales, M. C., Jain-Chandra, M. S., Kochhar, M. K., Newiak, M. M., & Zeinullayev, M. T. (2015). *Catalyst for change: Empowering women and tackling income inequality. International Monetary Fund*.
- Henderson, B. J., Pearson, N. D., & Wang, L. (2015). *New evidence on the financialization of commodity markets. The Review of Financial Studies*, 28(5), 1285–1311. <https://doi.org/10.1093/rfs/hhu091>
- Hendriks, S. (2019). *The role of financial inclusion in driving women's economic empowerment. Development in Practice*, 29(8), 1029–1038. <https://doi.org/10.1080/09614524.2019.1660308>
- Hoàng, T. H. (2020). *Về vấn đề bình đẳng giới. Kỷ yếu Hội nghị khoa học nữ lần thứ 8, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội*, 503–508.
- Holloway, K., Niazi, Z., & Rouse, R. (2017). *Women's Economic Empowerment Through Financial Inclusion: A Review of Existing Evidence and Remaining Knowledge Gaps (Rep.)*. New Haven, CT: Innovations for Poverty Action.
- Kabeer, N. (2010). *Women's empowerment, development interventions and the management of information flows. IDS Bulletin*, 41(6), 105–113. <https://doi.org/10.1111/j.1759-5436.2010.00188.x>
- Karlan, D., Kendall, J., Mann, R., Pande, R., Suri, T., & Zinman, J. (2016). *Research and impacts of digital financial services (No. w22633)*. National Bureau of Economic Research.
- Khan, M. I., and Rajeev, S. B. (2022). *Marginalised Street Vendors and Financial Inclusion Levels*. 10(11):807.
- Kumar, N. (2023). *Role of Financial Inclusion in Gender Equality: A Study with Reference to Female Street Vendors in Ranchi City. Vidhyayana-An International Multidisciplinary Peer-Reviewed E-Journal-ISSN 2454-8596*, 9(1).
- Lê Thị Diệu Huyền (2021). *Phát triển tài chính toàn diện hướng tới ổn định tài chính tại Việt Nam*. Truy cập từ: <https://tapchinganhang.gov.vn/phat-trien-tai-chinh-toan-dien-huong-toi-on-dinh-tai-chinh-tai-viet-nam.htm>.
- Le, T. H., Chuc, A. T. and Farhad, T.-H. (2019). *Financial Inclusion and Its Impact on Financial Efficiency and Sustainability: Empirical Evidence from Asia. Borsa Istanbul Review*, 19(4):310–22. doi: 10.1016/j.bir.2019.07.002.
- Llanto, G. M., & Rosellon, M. A. D. (2017). *What determines financial inclusion in the Philippines? Evidence from a national baseline survey (No. 2017-38)*. PIDS Discussion Paper Series.

- Mari, H. R. (2000). *Teacher-child interaction in the preschool classroom: Gender equity in context*. University of Massachusetts Amherst.
- Mutsonziwa, K., Fanta, A. B., Goosen, R., Emanuel, M., & Kettles, N. (2016). *The role of mobile money in financial inclusion in the SADC region*. FinMark Trust.
- Ngo, A. L. (2019). *Index of financial inclusion and the determinants: An investigation in Asia*. *Asian Economic and Financial Review*, 9(12), 1368-1382. DOI:10.18488/journal.aefr.2019.912.1368.1382
- Ohionu, S., & Ogbeide-Osaretin, E. N. (2019). *Financial inclusion and gender inequality reduction: Evidence from Sub-Saharan Africa*. *The Indian Economic Journal*, 67(3-4), 367-372. <https://doi.org/10.1177/0019466220946411>
- Ozili, P. K. (2023). *Effect of gender equality on financial stability and financial inclusion*. *Social Responsibility Journal*. <https://doi.org/10.1108/SRJ-12-2022-0565>
- Özşuca, E. A. (2019). *Gender gap in financial inclusion: Evidence from MENA*. *Economics and Business Letters*, 8(4), 199-208. <https://doi.org/10.17811/ebl.8.4.2019.199-208>
- Perrin, C., & Weill, L. (2022). *No man, No cry? Gender equality in access to credit and financial stability*. *Finance Research Letters*, 47, 102694. <https://doi.org/10.1016/j.frl.2022.102694>
- Phạm, T. H. V., Trần T.T. H., Vũ, T. T. H. (2017). *Kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện tại một số quốc gia trên thế giới. Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, số 193, 55-75.
- Presbitero, A. F., Rabellotti, R., & Piras, C. (2014). *Barking up the wrong tree? Measuring gender gaps in firm's access to finance*. *The Journal of Development Studies*, 50(10), 1430-1444. <https://doi.org/10.1080/00220388.2014.940914>
- Pushp, A., Rahul, S. G., Vikas, T., Jagjeevan, K., Shailesh, R., Venkata, M. B., and Neha P. (2023). *Impact of Financial Inclusion on India's Economic Development under the Moderating Effect of Internet Subscribers*. *Journal of Risk and Financial Management*, 16(5). doi:10.3390/jrfm16050262.
- Tambunlertchai, K. (2018). *Determinants and barriers to financial inclusion in Myanmar: what determines access to financial services and what hinders it?*. *The Singapore Economic Review*, 63(01), 9-26. <https://doi.org/10.1142/S0217590818410011>
- Wellalage, N. H., & Thrikawala, S. (2021). *Bank credit, microfinance and female ownership: Are women more disadvantaged than men?* *Finance Research Letters*, 42, 101929. <https://doi.org/10.1016/j.frl.2021.101929>
- World Bank (2001). *Engendering Development. A World Bank Policy Research Report*.
- World Bank (2017). *Financial Inclusion Overview. Report, Washington D.C, USA*.
- World Bank (2021). *Financial Inclusion, Digital Payments, and Resilience in the Age of COVID-19. Report, Washington D.C, USA*.
- Zawaira, T., Clance, M., Chisadza, C., and Gupta, R. (2021). *Financial inclusion and gender inequality in sub-Saharan Africa*. In *Financial inclusion and gender inequality in sub-Saharan Africa: Zawaira, Tendai*. Pretoria, South Africa: Department of Economics, University of Pretoria.